

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No. 571/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2019
Hanoi, 26 November 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 25/11/2019
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component securities and cash component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weighting
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2.200	3,9%
2	BVH	100	0,5%
3	CII	300	0,6%
4	CTD	50	0,3%
5	CTG	430	0,7%
6	DHG	10	0,1%
7	DXG	560	0,6%
8	EIB	1.520	2,0%
9	FLC	820	0,3%
10	FPT	790	3,4%
11	GAS	130	1,0%
12	GEX	590	0,9%
13	GMD	360	0,7%
14	HBC	230	0,2%
15	HCM	170	0,3%
16	HDB	1.000	2,1%
17	HPG	2.410	4,1%
18	HSG	370	0,2%



19	KBC	510	0,6%
20	MBB	1.990	3,4%
21	MSN	680	3,7%
22	MWG	410	3,5%
23	NLG	190	0,4%
24	NVL	540	2,4%
25	PDR	180	0,4%
26	PLX	150	0,7%
27	PNJ	250	1,6%
28	POW	680	0,7%
29	PVD	290	0,4%
30	PVS	300	0,4%
31	REE	240	0,7%
32	ROS	330	0,6%
33	SAB	100	1,8%
34	SBT	410	0,6%
35	SHB	1.400	0,7%
36	SSI	440	0,7%
37	STB	2.620	2,1%
38	TCB	3.300	5,9%
39	TCH	280	0,6%
40	TPB	720	1,2%
41	VCB	430	2,8%
42	VCG	100	0,2%
43	VCS	100	0,6%
44	VGC	200	0,3%
45	VHM	1.210	8,7%
46	VIC	1.120	10,0%
47	VJC	380	4,2%
48	VNM	990	9,3%
49	VPB	2.450	3,8%
50	VRE	1.520	4,1%
II	Tiền/Cash (VND)	11.091.103	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoá đơn/ *Spread between a basket and one lot of ETF in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ <i>Basket in value</i>	1.284.300.000 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ <i>Value per lot of ETF</i>	1.295.391.103 VND
+ Giá trị chênh lệch/ <i>Spread in value</i>	11.091.103 VND
+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch/ <i>Plan to reduce the spread</i>	

· Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/*With creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/*Transfer cash component*

· Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/*With redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/*Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/
In case, stock can be replaced by cash, state reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	70.900	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	20.100	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	85.500	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	23.200	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	56.000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	24.000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	22.350	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	112.000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	NLG	27.900	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	PNJ	81.600	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>



11	REE	36.700	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TCB	23.050	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	TPB	21.800	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	VPB	20.200	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 25/11/2019	Kỳ trước/Last Period 22/11/2019	Chênh lệch/ Change
Số lô đã phát hành thêm/ <i>Creation Units were issued</i>	0	0	0
Số lô đã mua lại/ <i>Creation Units were redeemed</i>	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ <i>Issued shares</i>	14.000.000	14.000.000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ <i>Close price</i>	12.930	12.950	-20
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ <i>Net Asset Value at Valuation Date</i>			
<i>của quỹ ETF/ of the Fund</i>	181.354.754.543	182.922.370.513	-1.567.615.970
<i>của 1 lô CCQ ETF/ per Creation Unit</i>	1.295.391.103	1.306.588.360	-11.197.257
<i>của 1 CCQ/ per Share</i>	12.953,91	13.065,88	-111,97
Chỉ số tham chiếu/ <i>Tracking Index</i>	1.468,34	1.466,13	2,21

Đại diện tổ chức 
Organization representative



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC